TỈNH ỦY YÊN BÁI * Số 30-NQ/TU	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Yên Bái, ngày 24 tháng 02 năm 2021*

THÀNH UỶ THÀNH PHỐ YÊN BÁI
SỐ: 1781/1415
ĐẾN NGÀY:
CHUYỂN:
LƯU HỒ SƠ:

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XIX
về phát triển ngành dịch vụ tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trong những năm qua, ngành dịch vụ tỉnh Yên Bái đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5,62%/năm; tỷ trọng khu vực dịch vụ chiếm 42,43% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng bình quân 12,5%/năm; dịch vụ du lịch có nhiều khởi sắc, là một điểm sáng của khu vực dịch vụ, hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ lưu trú từng bước phát triển; đã thu hút được một số nhà đầu tư lớn nghiên cứu, thực hiện các dự án đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, dịch vụ, du lịch trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, sự phát triển của ngành dịch vụ vẫn còn những hạn chế, bất cập, như: Dịch vụ du lịch, thương mại phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thiếu tính bền vững, hiệu quả chưa cao; kết cấu hạ tầng dịch vụ, nhất là hạ tầng giao thông, du lịch, thương mại còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; chất lượng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ còn hạn chế, nhất là nhân lực chất lượng cao; hoạt động dịch vụ nhìn chung quy mô còn nhỏ, thiếu tính chuyên nghiệp, thiếu tính liên kết giữa các ngành, đơn vị sản xuất với các ngành, đơn vị cung ứng dịch vụ; chất lượng, hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh thấp.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ yếu là: Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và một bộ phận người dân về vai trò của khu vực kinh tế dịch vụ còn hạn chế; định hướng, chiến lược phát triển ngành dịch vụ chưa được xây dựng một cách bài bản; nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng dịch vụ còn hạn chế; công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực hoạt động trong các ngành dịch vụ còn bất cập, hiệu quả chưa cao; cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển các ngành dịch vụ chưa mạnh mẽ, thiếu tính đồng bộ, chưa đủ hấp dẫn các nhà đầu tư; vẫn còn một số dự án khai thác, chế biến khoáng sản gây ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường, tác động tiêu cực đến sự phát triển của ngành dịch vụ du lịch.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

Phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh và lợi thế đặc trưng của từng vùng, từng địa phương trong tỉnh để phát triển dịch vụ trở thành khu vực kinh tế quan trọng, đóng góp tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế, góp phần tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

Cơ cấu lại ngành dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh. Tập trung nguồn lực phát triển một số ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế của tỉnh, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao như: Du lịch, thương mại, giáo dục, đào tạo nghề, y tế, chăm sóc sức khoẻ, tài chính, ngân hàng, logistics, vận tải,... Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng phát triển theo chiều sâu, hướng tới cung cấp dịch vụ chất lượng cao, khẳng định thương hiệu, tính hiệu quả và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Khai thác triệt để lợi thế về vị trí địa lý và khả năng kết nối giao thông để phát huy vai trò, vị thế là một trong các trung tâm liên kết phát triển của vùng Trung du và miền núi phía Bắc và các tỉnh khu vực Tây Bắc. Chú trọng giải pháp liên kết phát triển vùng, đầu tư đồng bộ dịch vụ logistics để tạo lợi thế cho các nhóm dịch vụ chất lượng cao phát triển trong tương lai.

Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động đa dạng các nguồn lực đầu tư phát triển ngành dịch vụ; thu hút các thành phần kinh tế ngoài nhà nước tham gia cung ứng các loại hình dịch vụ công, dịch vụ công ích, bảo đảm sự cạnh tranh, bình đẳng giữa các tổ chức cung ứng dịch vụ công lập và ngoài công lập.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Cơ cấu lại ngành dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh, tập trung vào các ngành dịch vụ có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, đưa dịch vụ trở thành ngành kinh tế quan trọng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững theo hướng "xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc". Hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách phát triển ngành dịch vụ theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng dịch vụ; xây dựng, phát triển các sản phẩm dịch vụ chất lượng, hiệu quả và có sức cạnh tranh cao. Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ phù hợp với đặc điểm của từng vùng, từng địa phương đáp ứng nhu cầu xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Tốc độ tăng trưởng toàn ngành dịch vụ bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt trên 7,5%/năm; đến năm 2025, tỷ trọng toàn ngành dịch vụ trong GRDP đạt khoảng 46,5%; tỷ lệ lao động làm việc trong ngành dịch vụ chiếm khoảng 26%, trong đó tỷ trọng lao động qua đào tạo đạt khoảng 32 - 35%. Trong đó:

- *Dịch vụ du lịch:* Đón trên 1.500.000 lượt khách, trong đó khách quốc tế đạt 400.000 lượt, tăng trưởng bình quân đạt 14,6%/năm; doanh thu từ du lịch đạt 1.500 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân đạt 26%/năm; tạo việc làm cho khoảng 12.500 lao động.

- *Dịch vụ thương mại:* Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ qua mạng lưới thương mại - dịch vụ văn minh, hiện đại đạt 15 - 17%/năm, tỷ trọng hàng hóa bán lẻ qua mạng lưới thương mại - dịch vụ văn minh, hiện đại chiếm khoảng 10 - 12% tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ xã hội. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 30.000 tỷ đồng, giá trị xuất khẩu hàng hóa đạt 500 triệu USD.

- *Dịch vụ giáo dục và đào tạo:* Huy động trên 30% trẻ em trong độ tuổi ra nhà trẻ, 97% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo ra lớp; 99,9% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; từ 97% trở lên học sinh hoàn thành chương trình tiểu học; từ 95% trở lên học sinh hoàn thành cấp học trung học cơ sở; từ 90% trở lên học sinh hoàn thành cấp học phổ thông; học sinh người dân tộc thiểu số cấp tiểu học, trung học cơ sở được học tại trường dân tộc bán trú đạt từ 30% trở lên; duy trì từ 70% trở lên số trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia. Đảm bảo số lượng, cơ cấu giáo viên giảng dạy ở tất cả các cấp học; 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

- *Dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe:* Tuổi thọ trung bình người dân đạt 74,5 tuổi; số năm sống khoẻ đạt tối thiểu 68 năm; số bác sỹ/10 nghìn dân đạt 12 bác sỹ; số giường bệnh/10 nghìn dân đạt 35 giường bệnh; tỷ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm đầy đủ các loại vắc xin đạt 98,5%; tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế đạt trên 90%.

- *Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm:* Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của mạng lưới các cơ sở cung cấp dịch vụ hiện có để đạt mức tăng trưởng tín dụng hàng năm từ 12 - 14%/năm; phát triển đa dạng các loại hình bảo hiểm; mở rộng, phát triển thêm các loại hình dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- *Dịch vụ logistics và vận tải:* Tổng sản lượng vận tải hàng hóa khoảng 287 triệu tấn.km, tốc độ tăng trưởng sản lượng vận tải hàng hóa bình quân hàng năm đạt 8,4%/năm. Tổng sản lượng vận tải hành khách khoảng 910 triệu người.km, tốc độ tăng trưởng sản lượng vận tải hành khách bình quân hàng năm đạt 8,5%/năm.

- *Dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông:* Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số trong bưu chính; chuyển dịch hạ tầng viễn thông sang hạ tầng ICT, phát triển hạ tầng số theo hướng đồng bộ, hiện đại để thúc đẩy chuyển đổi số, hướng tới nền kinh tế số, xã hội số; 100% các khu, cụm công nghiệp và trung tâm huyện, thị xã, thành phố được phủ sóng 4G/5G; 50% hộ gia đình tiếp cận dịch vụ truyền hình trả tiền; cung cấp 100% các dịch vụ hành chính công trực tuyến ở mức độ 4 trên địa bàn tỉnh.

- *Dịch vụ khoa học và công nghệ:* Xây dựng trên 20 mô hình chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đến người dân.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về phát triển ngành dịch vụ

Các cấp ủy, tổ chức Đảng tăng cường quán triệt định hướng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển ngành dịch vụ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX; Đề án kế hoạch cơ cấu lại ngành dịch vụ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 ban hành theo Quyết định số 283/QĐ-TTG ngày 19/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ và các nghị quyết của Tỉnh ủy. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm và hành động đối với việc tham gia, đầu tư, phát triển ngành dịch vụ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy, tổ chức đảng về phát triển các ngành dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tăng cường vận động, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của ngành dịch vụ và những định hướng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Trung ương, của tỉnh về phát triển ngành dịch vụ, góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong tổ chức thực hiện.

1.2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về dịch vụ

Tiếp tục rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển ngành dịch vụ tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, làm cơ sở cho việc thu hút đầu tư và quản lý phát triển các ngành dịch vụ.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025, trong đó ưu tiên các ngành dịch vụ có thế mạnh; tăng cường thu hút đầu tư phát triển các ngành dịch vụ theo hình thức đối tác công tư (PPP); khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia cung ứng các loại dịch vụ công, dịch vụ công ích. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác thẩm định, lựa chọn dự án, cấp phép đầu tư; phối hợp chặt chẽ, hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo đúng quy hoạch và các quy định của pháp luật hiện hành; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai, nguồn vốn, hạ tầng điện, nước, lao động...; hỗ trợ các thủ tục liên quan đến chứng nhận chất lượng, bảo hộ sở hữu trí tuệ, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, tiêu thụ sản phẩm, kê khai hải quan, thuế... Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, giúp các doanh nghiệp nắm vững, chủ động phát triển sản xuất kinh doanh, gia nhập thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế.

Xây dựng các vùng liên kết dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp để tạo tác động lan tỏa của ngành dịch vụ đối với nền kinh tế; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, khoáng sản; đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông hiện đại, đồng bộ; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, quảng bá sản phẩm dịch vụ.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm kiểm soát, duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ; xây dựng chế tài đủ mạnh và đẩy mạnh phân cấp trong quản lý nhằm phát huy tính năng động, chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành và sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp và người dân.

2. Phát triển hạ tầng ngành dịch vụ

Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ cho phát triển dịch vụ, nhất là hạ tầng giao thông kết nối vùng, liên vùng, liên huyện, liên tỉnh; hạ tầng điện, công nghệ thông tin, cung cấp nước sạch... Tăng cường thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia đầu tư vào các ngành dịch vụ góp phần phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, bao gồm: Công nghệ thông tin và truyền thông, giáo dục và đào tạo, logistics và vận tải, tài chính - ngân hàng... theo hướng trọng tâm, trọng điểm.

3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các ngành dịch vụ

Thực hiện hiệu quả công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực dịch vụ, có kiến thức, kỹ năng cao và đạo đức nghề nghiệp. Tăng cường sự kết nối, phối hợp, hỗ trợ giữa các đơn vị cung ứng lao động, đào tạo lao động và sử dụng lao động; xây dựng các chương trình đào tạo kết hợp giữa kiến thức chuyên môn với kinh nghiệm thực tế để cung ứng cho thị trường lao động nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và thị trường lao động.

Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp tham gia tích cực vào công tác đào tạo nhân lực; chú trọng chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ. Quan tâm đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ, đặc biệt là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các khu, điểm dịch vụ du lịch; trong đó, chú trọng đào tạo kỹ năng quản lý, trình độ ngoại ngữ, kỹ năng lễ tân, phục vụ cho đội ngũ quản lý, nhân viên, hướng dẫn viên du lịch đảm bảo cung cấp dịch vụ du lịch có chất lượng và tính chuyên nghiệp cao.

4. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể theo từng lĩnh vực

4.1. Du lịch

Phát triển du lịch theo hướng xanh, bản sắc, hấp dẫn, trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; phát triển các sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, tạo nên hình ảnh và điểm đến đặc thù *"Yên Bái - nơi hội tụ sắc màu Tây Bắc"* với thương hiệu là *"điểm đến an toàn, thân thiện, đặc sắc, hấp dẫn, ấn tượng"*; gắn dịch vụ du lịch với phát triển nông nghiệp, nông thôn miền núi, làng nghề truyền thống, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Quan tâm thu hút và ưu tiên nguồn lực đầu tư, phát triển 04 vùng du lịch trọng điểm: Vùng du lịch hồ Thác Bà và sông Chảy; Vùng du lịch thành phố Yên Bái và phụ cận; Vùng du lịch miền Tây của tỉnh; Vùng du lịch Trấn Yên - Văn Yên.

Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư vào ngành du lịch, ưu tiên chính sách thu hút đầu tư các dự án phát triển du lịch xanh, có sức lan tỏa, tác động lớn tới phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 28-NQ/TU ngày 24/02/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025, nhất là các chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng, đào tạo nhân lực ngành du lịch và các dịch vụ phụ trợ khác; khuyến khích, hỗ trợ người dân giữ gìn, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc và các tài nguyên du lịch khác; hỗ trợ duy trì hoạt động và phát triển các làng nghề truyền thống.

4.2. Thương mại

Tập trung thu hút các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại hiện đại. Đổi mới phương thức đầu tư, mô hình quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các chợ truyền thống trên địa bàn tỉnh, chuyển đổi mô hình hoạt động chợ theo hướng xã hội hóa, thành lập các doanh nghiệp, hợp tác quản lý, khai thác chợ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; rà soát, di dời, xóa bỏ những chợ hoạt động không hiệu quả, không phù hợp với quy hoạch hoặc không đáp ứng đầy đủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định. Quan tâm thu hút, hỗ trợ đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, chợ truyền thống trên địa bàn tỉnh.

Phát triển, mở rộng các kênh phân phối hiện đại, nhất là ở các siêu thị, hệ thống bán lẻ để tiêu thụ các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trên địa bàn; trọng tâm là hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác chủ động quảng bá, giới thiệu hàng hóa đến các hệ thống siêu thị để tăng cường tính kết nối giữa cơ sở sản xuất, đơn vị cung ứng và đơn vị tiêu thụ sản phẩm. Phối hợp với các hiệp hội ngành hàng tổ chức các hội chợ, triển lãm, hội nghị xúc tiến thương mại quy mô cấp quốc gia, khu vực và quốc tế. Tích cực tham gia các chương trình liên kết, quảng bá, xúc tiến thương mại, du lịch trong và ngoài tỉnh.

Phát triển các phương thức, loại hình kinh doanh thương mại phù hợp với từng vùng, địa phương và nhu cầu xã hội. Thay đổi căn bản phương thức cung ứng hàng hóa theo hướng chuyên nghiệp; đẩy mạnh các hình thức thanh toán điện tử hiện đại; từng bước phát triển hệ thống thương mại điện tử thông minh với các tập đoàn bán buôn, bán lẻ đóng vai trò dẫn dắt, thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng và các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể tham gia thị trường.

Đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu, chú trọng xuất khẩu các sản phẩm chủ lực, mặt hàng truyền thống, sản phẩm có thế mạnh của tỉnh, đồng thời với nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, quảng bá, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm.

4.3. Giáo dục và đào tạo

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp, đào tạo nghề; gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động và người sử dụng lao động. Tiếp tục sắp xếp quy mô, mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo đảm bảo hợp lý về quy mô, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, năng lực quản lý để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá. Khuyến khích đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo ở những nơi có điều kiện; quan tâm đầu tư đảm bảo đủ phòng học và các phòng chức năng cho cấp học mầm non, tiểu học đáp ứng yêu cầu học 02 buổi/ngày và trang thiết bị dạy, học phục vụ đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 85%.

Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ về nội dung, hình thức, phương pháp dạy học theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực, kỹ năng của người học. Phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng mở rộng quy mô hợp lý, đa dạng cơ cấu, loại hình đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội trên cơ sở đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Thực hiện tốt cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập.

4.4. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Phát triển hệ thống y tế theo hướng hiện đại, hiệu quả trên cơ sở dự phòng tích cực và chủ động, gắn kết y học cổ truyền với y học hiện đại. Huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cấp trang, thiết bị các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, trung tâm y tế tuyến huyện, bảo đảm đến năm 2025 ít nhất 50% trung tâm y tế cấp huyện đạt tiêu chuẩn hạng II trở lên. Đẩy mạnh hợp tác, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ từ các bệnh viện tuyến Trung ương, phát triển Bệnh viện Đa khoa tỉnh cơ bản trở thành trung tâm khám, chữa bệnh chất lượng cao của khu vực Tây Bắc. Phối hợp, liên kết với các bệnh viện Trung ương tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ thầy thuốc, nhất là đội ngũ bác sỹ có trình độ, năng lực chuyên môn sâu, có y đức, trách nhiệm cao.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập theo cơ chế tự chủ; khuyến khích phát triển các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe ngoài công lập và dịch vụ khám, chữa bệnh chất lượng cao ở khu vực đô thị; hình thành các trung tâm khám, chữa bệnh, điều trị theo yêu cầu tại các bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế tuyến huyện. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của ngành y tế.

4.5. Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm

Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển. Quản lý chặt chẽ hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh của các tổ chức tín dụng; tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng thương mại mở rộng mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, điểm giao dịch trên địa bàn tỉnh. Tạo môi trường thuận lợi để phát triển dịch vụ bảo hiểm với các sản phẩm đa dạng, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu người dân và doanh nghiệp.

4.6. Logistics và vận tải

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, khai thác vận tải; liên kết các phương thức vận tải, quản lý vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics. Phát huy lợi thế về vị trí địa lý, hạ tầng giao thông trong mối liên kết vùng, liên vùng và đối tác hợp tác trên tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh để thu hút các ngành dịch vụ giá trị gia tăng cao, như: vận tải, kho bãi trung chuyển, giao nhận xuất nhập khẩu hàng hóa. Tận dụng tối đa lợi thế đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai để quy hoạch, xây dựng các trung tâm phân phối, địa điểm trung chuyển hàng hóa phù hợp với Quy hoạch tỉnh Yên Bái thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về hoạt động vận tải, các phần mềm quản lý hoạt động vận tải, quản lý phương tiện, quản lý hoạt động của các sàn giao dịch vận tải,... đảm bảo đồng bộ, thống nhất, kết nối giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải và người sử dụng dịch vụ. Ưu tiên đầu tư, phát triển phương thức vận tải hành khách công cộng an toàn, chất lượng cao.

4.7. Công nghệ thông tin và truyền thông

Phát triển mạnh mẽ dịch vụ thông tin, truyền thông theo hướng đa phương tiện, từng bước ứng dụng công nghệ hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp, người dân. Triển khai hiệu quả Kiến trúc chính quyền điện tử, Đề án đô thị thông minh, phát triển hạ tầng chính quyền số gắn với mô hình đô thị thông minh phục vụ doanh nghiệp và người dân. Tập trung đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại, an ninh, an toàn; triển khai internet băng thông rộng chất lượng cao trên phạm vi toàn tỉnh; xây dựng, vận hành hiệu quả mô hình đô thị thông minh gắn với chính quyền điện tử, thực hiện chương trình chuyển đổi số quốc gia theo lộ trình phù hợp, từng bước phát triển nền kinh tế số, xã hội số, phấn đấu đưa tỷ trọng đóng góp của kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP vào năm 2025.

Xây dựng, cập nhật, công bố danh sách các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, y tế, giáo dục, giao thông, ngân hàng,... gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Phổ biến kiến thức về chuyển đổi sang kinh tế số, thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp và người dân.

4.8. Khoa học và công nghệ

Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, từng bước phát triển nền kinh tế số, xã hội số, thích ứng với Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và cung cấp các dịch vụ khoa học công nghệ, ưu tiên cho lĩnh vực nông, lâm nghiệp. Áp dụng cơ chế đấu thầu, đặt hàng cung cấp dịch vụ khoa học công nghệ theo cơ chế thị trường, đáp ứng nhu cầu của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân. Triển khai hiệu quả công tác hướng dẫn, đăng ký xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm, hàng hóa của tỉnh.

Tích cực chuyển giao kết quả nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, tiến bộ khoa học kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp và người dân nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư nghiên cứu khoa học và tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ cao, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

4.9. Các dịch vụ khác

Tạo môi trường thuận lợi để huy động nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ để hỗ trợ cho các ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế của tỉnh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực phi nông nghiệp, nhất là các ngành dịch vụ ở khu vực nông thôn, dịch vụ sử dụng nhiều lao động.

Thúc đẩy phát triển một số ngành dịch vụ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, dịch vụ môi trường theo hướng xã hội hóa là chủ yếu, thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu để phát huy tính năng động, chủ động, sáng tạo và hiệu quả của từng chủ thể thực hiện cung cấp dịch vụ.

5. Ứng dụng khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển dịch vụ; ưu tiên đầu tư xử lý rác thải, nước thải tại các khu dịch vụ, du lịch tập trung đảm bảo phát triển bền vững gắn với nâng cao ý thức của người dân về tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, sinh thái. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trực tiếp tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ các hoạt động kinh doanh dịch vụ nhằm đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm dịch vụ.

6. Công tác truyền thông và phát triển thị trường

Tăng cường hoạt động thông tin quảng bá, xúc tiến đầu tư gắn với xúc tiến thương mại, du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hướng tới các thị trường mục tiêu. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đại diện ngoại giao, các hãng truyền thông, các hãng hàng không, các công ty lữ hành lớn trong và ngoài nước để tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Yên Bái đến với du khách trong nước và quốc tế.

Xây dựng các website chính thức của tỉnh với thông tin được cập nhật thường xuyên để quảng bá về các ngành dịch vụ; phát hành các ấn phẩm quảng bá hấp dẫn về du lịch; trước mắt, xây dựng bản đồ du lịch cho các trung tâm du lịch của tỉnh; xây dựng các chương trình phát thanh, truyền hình chuyên về du lịch bằng nhiều thứ tiếng. Tổ chức xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch bằng nhiều hình thức theo hướng chuyên nghiệp, thiết thực và hiệu quả. Tận dụng tối đa các cơ hội khi Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do (EVFTA, RCEP, CPTPP, UKVFTA...) để khai thác, phát triển dịch vụ nhất là dịch vụ thương mại, du lịch...

7. Tăng cường bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội

Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, gắn kết chặt chẽ giữa phát triển dịch vụ với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân. Xây dựng Yên Bái trở thành địa phương có môi trường sống, đầu tư, kinh doanh lành mạnh, thân thiện, an toàn và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Làm tốt công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, buôn lậu, gian lận thương mại và bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm cho người dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, chính quyền, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân; xây dựng chương trình hành động, kế hoạch cụ thể, phù hợp với đặc điểm tình hình, chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương, đơn vị để tổ chức thực hiện.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới các cơ chế, chính sách; bố trí ngân sách để triển khai thực hiện các đề án, chương trình, kế hoạch và các nội dung nêu trong Nghị quyết.

Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng, ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, trong đó xác định rõ các nội dung cụ thể cần thực hiện, phân công nhiệm vụ chi tiết cho các cơ quan, đơn vị có liên quan gắn với lộ trình thực hiện, yêu cầu kết quả sản phẩm đầu ra đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết trong toàn Đảng bộ tỉnh.

4. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết; trọng tâm là công tác phối hợp phổ biến, tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết.

5. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi, đôn đốc và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định.

Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY YÊN BÁI

Đỗ Đức Duy

Nơi nhận:
- Bộ Chính trị, Ban Bí thư TW (báo cáo),
- Các Ban đảng, Văn phòng TW (báo cáo),
- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lãnh đạo, chuyên viên VPTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.